



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN & DỊCH VỤ TIN HỌC TP.HCM

**BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN
TẦM NHÌN**

AISC

ACCOMPANY WITH BUSINESS

MỤC LỤC

----- oOo -----

	Trang
1. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	01 - 02
2. BÁO CÁO KIỂM TOÁN	03
3. BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG	04 - 06
4. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO	07 - 10
5. BẢNG TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU RỦI RO VÀ VỐN KHẢ DỤNG	11

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Ông Jeffrey E.Carleton Thành viên

Ông Tunku Ali Redhauddin Ibni TuanKu Muhriz Thành viên

Ban Kiểm soát

Bà Ngô Quỳnh Như Thành viên

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông Hoàng Quốc Hùng Tổng Giám Đốc

Bà Nguyễn Thị Hoài Ân Kế toán trưởng

4. Kiểm toán độc lập

Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Tp.HCM (AISC) được chỉ định là kiểm toán viên cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

5. Cam kết của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012. Trong việc soạn lập Báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và tuân thủ các vấn đề sau đây:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 được lập căn cứ trên số liệu các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 và được lập theo đúng các quy định tại Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 của Bộ Tài chính quy định về chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính và Thông tư số 165/2012/TT-BTC ngày 09/10/2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 của Bộ Tài Chính;

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán thích hợp đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và làm cơ sở để soạn lập Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính phù hợp với quy định của Bộ Tài Chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

6. Xác nhận

Theo ý kiến của Ban Tổng giám đốc, chúng tôi xác nhận rằng Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tỷ lệ an toàn tài chính của công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012.

Tp. HCM, ngày 26 tháng 03 năm 2013

Khay mặt Ban Tổng giám đốc



HOÀNG QUỐC HÙNG

Tổng Giám đốc



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN & DỊCH VỤ TIN HỌC TP.HCM
Auditing & Informatic Services Company Limited
Office: 142 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 3, Thành Phố Hồ Chí Minh
Tel: (84.8) 3930 5163 (10 Lines) **Fax:** (84.8) 3930 4281
Email: info@aisc.com.vn **Website:** www.aisc.com.vn



Số: 0712461/AISC-DN1

BÁO CÁO KIỂM TOÁN VỀ BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH
TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TÂM NHÌN

Kính gửi:

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
 Công ty Cổ phần Chứng Khoán Tâm Nhìn

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, được lập ngày 31 tháng 01 năm 2013 của CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TÂM NHÌN từ trang 04 đến trang 11 kèm theo.

Việc lập và trình bày các báo cáo tài chính này thuộc về trách nhiệm Tổng Giám đốc quý Công ty. Trách nhiệm của Chúng tôi là căn cứ vào việc kiểm toán để hình thành một ý kiến độc lập về Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính này.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp xác định các chỉ tiêu vốn khả dụng và giá trị rủi ro bao gồm: rủi ro thanh toán, rủi ro hoạt động và rủi ro thị trường được lập theo đúng các quy định tại thông tư 226/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 của Bộ Tài chính quy định về "Chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính" và Thông tư số 165/2012/TT-BTC ngày 09/10/2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 của Bộ Tài Chính, các ước tính và xét đoán quan trọng của Tổng Giám đốc Công ty cũng như cách trình bày tổng quát báo cáo này. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của Chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo quan điểm của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tỷ lệ an toàn tài chính của CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TÂM NHÌN tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Tp. HCM, ngày 26 tháng 03 năm 2013

KIỂM TOÁN VIÊN

ĐẬU NGUYỄN LÝ HÀNG
 Số chứng chỉ KTV: 1169/KTV
 Bộ Tài Chính Việt Nam cấp



KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
 PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

PHẠM THỊ HỒNG UYÊN
 Số chứng chỉ KTV: 0794/KTV
 Bộ Tài Chính Việt Nam cấp

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TÂM NHÌN
BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

ĐVT: VNĐ

I. BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG

STT	Nội dung	Vốn khả dụng		
		Vốn khả dụng	Khoản giảm trừ	Khoản tăng thêm
		(1)	(2)	(3)
A	Nguồn vốn	21.597.968.540	-	-
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu không bao gồm cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có)	75.538.460.000	-	-
2	Thặng dư vốn cổ phần	-	-	-
3	Cổ phiếu quỹ	-	-	-
4	Quỹ dự trữ bổ sung vốn Điều lệ	-	-	-
5	Quỹ Đầu tư phát triển	-	-	-
6	Quỹ Dự phòng tài chính	-	-	-
7	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-
8	Lợi nhuận tích lũy và lợi nhuận chưa phân phối trước khi trích lập các khoản dự phòng theo quy định của pháp luật	(53.940.491.460)	-	-
9	Chênh lệch đánh giá lại tài sản (50% tăng thêm hoặc 100% giảm đi)	-	-	-
10	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-
11	Lợi ích của Cổ đông thiểu số	-	-	-
12	Các khoản nợ có thể chuyển đổi	-	-	-
13	Toàn bộ phần giảm đi hoặc tăng thêm của các chứng khoán tại chỉ tiêu đầu tư tài chính	-	-	-
1A	Tổng	21.597.968.540		

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TÂM NHÌN
BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

DVT: VND

STT	Nội dung	Vốn khả dụng		
		Vốn khả dụng	Khoản giảm trừ	Khoản tăng thêm
		(1)	(2)	(3)
B	Tài sản ngắn hạn	-	2.296.407.124	-
<i>I</i>	<i>Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	-	-	-
<i>II</i>	<i>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	-	-	-
1	Đầu tư ngắn hạn	-	-	-
	Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường theo quy định tại khoản 2 Điều 8	-	-	-
	Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng theo quy định khoản 5 Điều 5	-	-	-
2	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	-	-	-
III	Các khoản phải thu ngắn hạn	-	41.679.494	-
1	Phải thu của khách hàng	-	-	-
	Phải thu của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống	-	-	-
	Phải thu của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày	-	-	-
2	Trả trước cho người bán	-	41.679.494	-
3	Phải thu nội bộ ngắn hạn	-	-	-
	Phải thu nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống	-	-	-
	Phải thu nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày	-	-	-
4	Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	-	-	-
	Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống	-	-	-
	Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày	-	-	-
5	Các khoản phải thu khác	-	-	-
	Phải thu khác có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống	-	-	-
	Phải thu khác có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày	-	-	-
6	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	-	-	-
IV	Hàng tồn kho	-	-	-
V	Tài sản ngắn hạn khác	-	2.254.727.630	-
1	Chi phí trả trước ngắn hạn	-	2.248.727.630	-
2	Thuế GTGT được khấu trừ	-	-	-
3	Thuế và các khoản phải thu nhà nước	-	-	-
4	Tài sản ngắn hạn khác	-	6.000.000	-
4.1	Tạm ứng	-	-	-
	Tạm ứng có thời hạn hoàn ứng còn lại từ 90 ngày trở xuống	-	-	-
	Tạm ứng có thời hạn hoàn ứng còn lại trên 90 ngày	-	-	-
4.2	Phải thu khác, tài sản ngắn hạn khác	-	6.000.000	-
IB	Tổng		2.296.407.124	

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TÂM NHÌN
BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

ĐVT: VNĐ

STT	Nội dung	Vốn khả dụng		
		Vốn khả dụng	Khoản giảm trừ	Khoản tăng thêm
		(1)	(2)	(3)
C	Tài sản dài hạn	-	2.118.459.490	-
I	Các khoản phải thu dài hạn	-	-	-
1	Phải thu dài hạn của khách hàng	-	-	-
	<i>Phải thu dài hạn của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống</i>	-	-	-
	<i>Phải thu dài hạn của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày</i>	-	-	-
2	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	-	-	-
3	Phải thu dài hạn nội bộ	-	-	-
	<i>Phải thu dài hạn nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống</i>	-	-	-
	<i>Phải thu dài hạn nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày</i>	-	-	-
4	Phải thu dài hạn khác	-	-	-
	<i>Phải thu dài hạn khác có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống</i>	-	-	-
	<i>Phải thu dài hạn khác có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày</i>	-	-	-
5	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	-	-	-
II	Tài sản cố định	-	714.674.625	-
III	Bất động sản đầu tư	-	-	-
IV	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	-	-	-
1	Đầu tư vào công ty con	-	-	-
2	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	-	-	-
3	Đầu tư chứng khoán dài hạn	-	-	-
	<i>Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường theo quy định tại khoản 2 Điều 8</i>	-	-	-
	<i>Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng theo quy định khoản 5 Điều 5</i>	-	-	-
4	Đầu tư dài hạn khác	-	-	-
5	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	-	-	-
V	Tài sản dài hạn khác	-	1.403.784.865	-
	<i>Các chỉ tiêu tài sản bị coi là khoản ngoại trừ tại báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán mà không bị tính giảm trừ theo quy định tại Điều 5</i>	-	-	-
1C	Tổng		2.118.459.490	
VỐN KHA DỤNG = 1A - 1B - 1C			17.183.101.926	

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TÂM NHÌN
BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

DVT: VNĐ

II. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO

A. RỦI RO THỊ TRƯỜNG				
Các hạng mục đầu tư		Hệ số rủi ro	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
		(1)	(2)	(3) = (1) x (2)
I. Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ			12.428.155.508	-
1	Tiền mặt và tiền gửi ngân hàng	0%	928.155.508	-
2	Các khoản tương đương tiền	0%	11.500.000.000	-
3	Giấy tờ có giá trên thị trường tiền tệ	0%	-	-
II. Trái phiếu Chính phủ			-	-
4	Trái phiếu Chính phủ không trả lãi	0%		-
5	Trái phiếu Chính phủ trả lãi suất cố định			-
5,1	<i>Trái phiếu chính phủ, trái phiếu chính phủ các nước thuộc khối OECD hoặc được bảo lãnh bởi chính phủ hoặc các ngân hàng Trung ương của các nước thuộc khối này, trái phiếu được phát hành bởi các tổ chức quốc tế IBRD, IADC, AFDB, EIB và EBRD</i>	3%		-
5,2	<i>Trái phiếu công trình được Chính phủ, Bộ Tài chính bảo lãnh có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm</i>	3%		-
	<i>Trái phiếu công trình được Chính phủ, Bộ Tài chính bảo lãnh có thời gian đáo hạn còn lại từ 1 tới 5 năm</i>	4%		-
	<i>Trái phiếu công trình được Chính phủ, Bộ Tài chính bảo lãnh có thời gian đáo hạn còn lại từ 5 năm trở lên</i>	5%		-
III. Trái phiếu Doanh nghiệp				
6	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	8%		-
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn từ 1 đến 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	15%		-
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	20%		-
7	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	25%		-
	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn từ 1 đến 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	30%		-
	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	40%		-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TÀM NHÌN
BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị: VND

IV. Cổ phiếu				-	-
8	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh; Chứng chỉ quỹ đại chúng dạng mở	10%		-	-
9	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội	15%		-	-
10	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi các công ty đại chúng chưa niêm yết, đăng ký giao dịch qua hệ thống UpCom	20%		-	-
11	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các Công ty Đại chúng đã đăng ký lưu ký, chưa niêm yết hoặc đăng ký giao dịch	30%		-	-
12	Cổ phiếu của các công ty đại chúng khác	50%		-	-
V. Chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán				-	-
13	Quỹ đại chúng	10%		-	-
14	Quỹ thành viên	30%		-	-
VI. Chứng khoán bị hạn chế giao dịch				-	-
15	Chứng khoán bị tạm ngừng, đình chỉ giao dịch (không bao gồm trường hợp cổ phiếu tạm ngừng giao dịch để chuyển sản giao dịch)	40%		-	-
16	Chứng khoán bị hủy niêm yết, hủy giao dịch	50%		-	-
VII. Chứng khoán khác				-	-
17	Cổ phần, phần vốn góp và các loại chứng khoán khác	80%		-	-
VIII. Rủi ro tăng thêm (nếu có)				-	-
	Mã chứng khoán	Mức tăng thêm	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro	
1			-	
2			-	
(A) TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO THỊ TRƯỜNG (A = I + II+ III+IV+ V+VI+VII+VIII)				12.428.155.508	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TÂM NHÌN
BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

ĐVT: VND

B. RỦI RO THANH TOÁN

Loại hình giao dịch		Giá trị rủi ro						Tổng giá trị rủi ro
		(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	
HỆ SỐ RỦI RO THANH TOÁN THEO ĐỐI TÁC		0%	0,8%	3,2%	4,8%	6%	8%	
I. Rủi ro trước thời hạn thanh toán								
1	Tiền gửi kỳ hạn và các khoản tiền cho vay không có tài sản bảo đảm					690.000.000		690.000.000
2	Cho vay chứng khoán							-
3	Vay chứng khoán							-
4	Hợp đồng mua chứng khoán có cam kết bán lại (Repo)							-
5	Hợp đồng bán chứng khoán có cam kết mua lại (Reverse Repo)							-
6	Hợp đồng cho vay mua ký quỹ (cho khách hàng vay mua chứng khoán)/ Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất							-
Cộng								690.000.000
II. Rủi ro quá thời hạn thanh toán								
Thời gian quá hạn		Hệ số rủi ro	Quy mô rủi ro		Giá trị rủi ro			
1	0 -15 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	16%						
2	16 -30 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	32%						
3	31-60 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	48%						
4	Từ 60 ngày trở đi	100%						
Cộng								-
III. Rủi ro tăng thêm (nếu có)								
Chi tiết tới từng khoản vay, tới từng đối tác		Mức tăng thêm		Quy mô rủi ro		Giá trị rủi ro		
1							
Cộng								-
(B) TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO THANH TOÁN (B= I+II+III)								690.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TÂM NHÌN
BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

ĐVT: VNĐ

Ghi chú:

- (1) Giá trị rủi ro thanh toán đối với Chính phủ, các tổ chức phát hành được Chính phủ bảo lãnh, Bộ Tài chính bảo lãnh, Ngân hàng Nhà nước, Chính phủ và Ngân hàng Trung ương của nước thuộc khối OECD; Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- (2) Giá trị rủi ro thanh toán đối với Sở giao dịch Chứng khoán, Trung tâm lưu ký Chứng khoán
- (3) Giá trị rủi ro thanh toán đối với Tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, tổ chức kinh doanh chứng khoán được thành lập ở các nước thuộc khối OECD
- (4) Giá trị rủi ro thanh toán đối với thanh toán đối với Tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, tổ chức kinh doanh chứng khoán được thành lập ngoài các nước thuộc khối OECD
- (5) Giá trị rủi ro thanh toán đối với tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, tổ chức kinh doanh chứng khoán thành lập và hoạt động tại Việt Nam
- (6) Giá trị rủi ro thanh toán đối với các tổ chức, cá nhân khác

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TÂM NHÌN
BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

DVT: VNĐ

C. RỦI RO HOẠT ĐỘNG (TÍNH TRONG VÒNG 12 THÁNG)		Giá trị
I.	Tổng Chi phí hoạt động phát sinh trong vòng 12 tháng	12.452.721.215
II.	Các khoản giảm trừ khỏi tổng chi phí	511.516.599
	1. Chi phí khấu hao	511.516.599
	2. Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn	-
	3. Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán dài hạn	-
	4. Dự phòng phải thu khó đòi	-
III.	Tổng chi phí sau khi giảm trừ (III = I - II)	11.941.204.616
IV.	25% Tổng chi phí sau khi giảm trừ (IV = 25% III)	2.985.301.154
V.	20% Vốn pháp định của tổ chức kinh doanh chứng khoán	5.000.000.000
(C) TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO HOẠT ĐỘNG (C=Max{IV,V})		5.000.000.000

(D) TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO (A+B+C)	5.690.000.000
--	----------------------

III. BẢNG TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU RỦI RO VÀ VỐN KHẢ DỤNG

STT	Các chỉ tiêu	Giá trị rủi ro vốn khả dụng	Ghi chú (nếu có)
1	Tổng giá trị rủi ro thị trường	-	
2	Tổng giá trị rủi ro thanh toán	690.000.000	
3	Tổng giá trị rủi ro hoạt động	5.000.000.000	
4	Tổng giá trị rủi ro (4= 1+2+3)	5.690.000.000	
5	Vốn khả dụng	17.183.101.926	
6	Tỷ lệ an toàn Vốn khả dụng (6=5/4)	302%	

Tp.HCM, ngày 31 tháng 01 năm 2013

Kế toán trưởng

Trưởng bộ phận kiểm soát nội bộ

Tổng Giám đốc



NGUYỄN THỊ HOÀI ÂN



PHẠM THỊ XUÂN MỸ



HOÀNG QUỐC HÙNG